

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ
lãnh đạo của hệ thống chính trị tỉnh An Giang**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 368-QĐ/TW, ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị quy định về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị tỉnh An Giang.

Điều 2. Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị tỉnh An Giang là căn cứ thực hiện một số nội dung quản lý cán bộ theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Chức danh, chức vụ được xác định là tương đương khi được xếp cùng nhóm, cùng bậc, cùng hệ số phụ cấp, cùng đối tượng quản lý. Đối với chức danh, chức vụ thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thì ngoài Quy định này còn thực hiện theo quy định khác của Trung ương. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các quy định trước đây của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (để b/c),
- Vụ Địa phương 3, Ban Tổ chức Trung ương,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu,
- Đảng ủy MTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Tiến Hải

DANH MỤC
VỊ TRÍ CHỨC DANH, NHÓM CHỨC DANH, CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO
CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TỈNH AN GIANG
(Kèm theo Quyết định số 75-QĐ/TU, ngày 01/12/2025
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

1. Nhóm II: Chức danh thuộc diện Bộ Chính trị quản lý

Bậc 1

- Ủy viên Trung ương Đảng chính thức;
- Bí thư Tỉnh ủy.

2. Nhóm III: Chức danh thuộc diện Ban Bí thư quản lý

Bậc 1

- Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Phó Bí thư Tỉnh ủy;
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bậc 2: Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh.

3. Nhóm IV: Chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy quản lý

*** *Bậc 1 và bậc 3*** quy định đối với chức danh ở bộ, ngành Trung ương và Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh (không nêu trong Danh mục này).

3.1. Bậc 2

- Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh.

3.2. Bậc 4

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;
- Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (trường hợp chưa phải là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh);
- Hiệu Trưởng Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, Giám đốc Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Giám đốc sở, trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: (Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh; Ban Quản lý Khu Kinh tế Phú Quốc...);

- Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

3.3. Bậc 5: Thư ký đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy.

3.4. Bậc 6

- Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (chưa là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh);

- Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, Phó Giám đốc Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang;

- Phó Giám đốc sở, cấp phó các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: (Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh; Ban Quản lý Khu Kinh tế Phú Quốc...);

- Phó trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Phó Bí thư đảng ủy chuyên trách Đảng bộ Các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh (chưa là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh);

- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;

- Trưởng các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh;

- Bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu (chưa là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh).

3.5. Bậc 7

- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;

- Phó Bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu;

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

3.6. Bậc 8

- Trưởng phòng thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy;

- Trưởng phòng thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trưởng phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Ủy viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;

- Phó trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh;
- Ủy viên ban thường vụ chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu.

3.7. Bậc 9

- Ủy viên ban chấp hành chuyên trách Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường, đặc khu;
- Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Cấp trưởng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;
- Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu;
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, đặc khu.

3.8. Bậc 10

- Phó trưởng phòng thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy;
- Phó trưởng phòng thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Phó trưởng phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Cấp phó các đơn vị sự nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ủy viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu; cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, đặc khu;
- Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu;
- Cấp phó các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

3.9. Bậc 11

- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

* *Lưu ý:* Các chức danh, chức vụ trong đơn vị sự nghiệp thuộc khối chính quyền cấp tỉnh, cấp sở, cấp xã theo Quy định số 368-QĐ/TW của Bộ Chính trị sẽ ban hành theo khung do Chính phủ quy định (*không nêu trong Quyết định này*).
